

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 01 năm 2024

Số: 05/BC-ĐBCL

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT Ý KIẾN SINH VIÊN
VỀ HOẠT ĐỘNG GIẢNG DẠY CỦA GIÁNG VIÊN
Học kỳ I/2023 - 2024**

Kính gửi: - **Ban Giám hiệu;**
- **Các đơn vị.**

I. Mục đích

- Tiếp thu ý kiến, góp ý của sinh viên nhằm nâng cao hiệu quả dạy và học.
- Nâng cao tinh thần trách nhiệm của giảng viên trong hoạt động giảng dạy.
- Tạo kênh thông tin giúp giảng viên điều chỉnh hoạt động giảng dạy.
- Giúp cán bộ quản lý có thêm cơ sở nhận xét, đánh giá giảng viên.

II. Quá trình thực hiện

1. Đối tượng và phạm vi đánh giá

- Đối tượng: Giảng viên (GV) cơ hữu, GV thỉnh giảng, CBQL có tham gia giảng dạy.
- Phạm vi lấy ý kiến: Tất cả sinh viên các lớp thuộc trình độ đại học, hệ chính quy.

2. Phương pháp: Khảo sát online tại trang: <http://online.hcmute.edu.vn>

3. Thời gian: HKI năm học 2023-2024 từ ngày 26/10/2023 đến ngày 9/12/2023.

4. Nội dung khảo sát: Phiếu khảo sát gồm 12 câu hỏi đóng thuộc 3 tiêu chí:

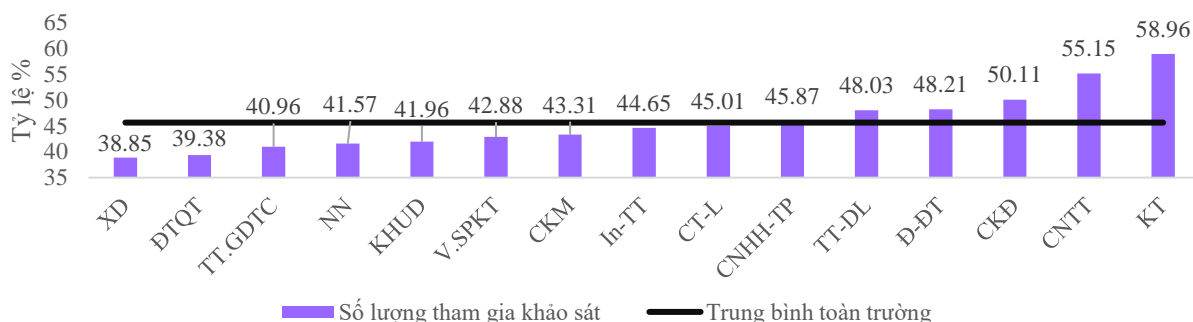
- (1) Phương pháp GD
- (2) Nội dung GD, kiểm tra, đánh giá
- (3) Tác phong sư phạm
- (4) Ngoài ra còn có 3 câu hỏi mở và 1 câu hỏi lựa chọn theo phương án có sẵn.

5. Xếp loại

Mức điểm	90÷100	80÷89	70÷79	50÷69	<49
Xếp loại	Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Cần cải tiến	Yếu
Quy định màu sắc	Xanh dương	Xanh lá	Vàng	Hồng	Đỏ

III. Kết quả thống kê

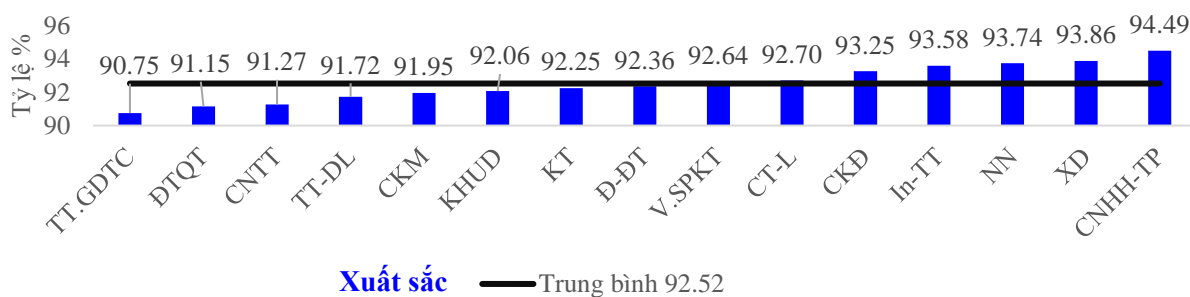
1. Tỷ lệ SV tham gia khảo sát theo Khoa/đơn vị đào tạo có học phần giảng dạy trong học kỳ I năm học 2023-2024.



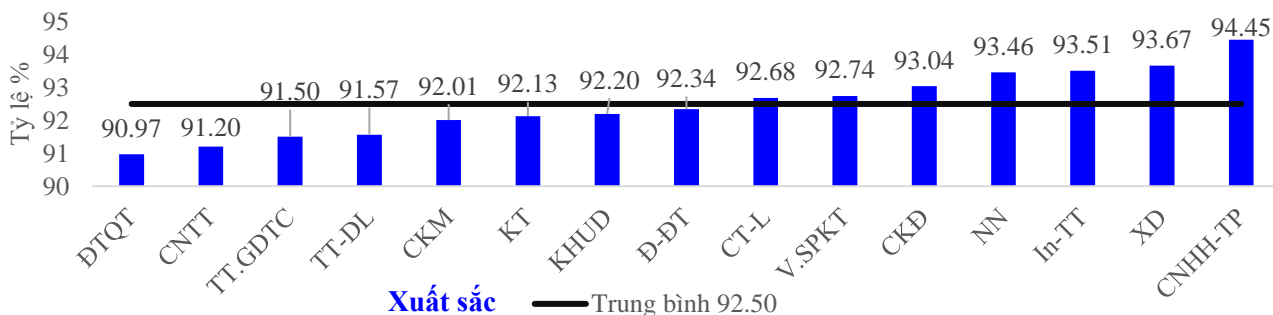
Hình 1. Tỷ lệ (%) sinh viên tham gia khảo sát theo Khoa/Đơn vị đào tạo

Theo biểu đồ thống kê ở hình 1 tỷ lệ trung bình tham gia khảo sát của sinh viên (SV) trong HKI năm học 2023-2024 đạt 45.66% (giảm so với 73.74% của HKII 2022-2023), số lượng sinh viên tham gia khảo sát cao nhất thuộc về Khoa Kinh tế đạt 58.96%.

2. Kết quả chỉ số giảng dạy theo đơn vị



Hình 2. Tiêu chí 1 _ Chỉ số về phương pháp giảng dạy theo Khoa/Đơn vị đào tạo



Hình 3. Tiêu chí 2 _ Chỉ số về giảng dạy, kiểm tra, đánh giá theo Khoa/Đơn vị đào tạo

Từ biểu đồ hình 2 và hình 3 chỉ số chất lượng giảng dạy các tiêu chí của các đơn vị đều đạt trên 90%. Tuy nhiên trong HKI năm học 2023-2024 một số đơn vị có GV được đánh giá cần cải tiến ở các môn học, P.ĐBCL đã thống kê và trình bày ở bảng 1 bên dưới.

Bảng 1. Thống kê số lượng GV về CLGD theo đơn vị

TT	Đơn vị	Tổng số GV		Tổng số GV thỉnh giảng	Số GV xếp loại cần cải tiến		Số GV xếp loại CLGD từ khá trở lên nhưng vẫn có tiêu chí, môn học < 69	
		Đại trà	CLC		SL	TL (%)	SL	TL (%)
1.	XD	69	42	17	7	6.31	-	
2.	CKM	98	89	20	4	2.14	-	
3.	CKĐ	46	45	3	-	-	1	1.1
4.	In&TT	23	12	10	-	-	-	
5.	CNTT	35	32	13	-	-	-	
6.	TT-DL	28	15	4	1	2.32	-	
7.	KT	69	54	39	-	-	1	0.81
8.	KHUD	65	52	29	-	-	-	-
9.	Đ-ĐT	99	96	15	-	-	-	-
10.	CT&Luật	36	0	15	-	-	-	-
11.	CNHH&TP	61	53	28	-	-	-	-
12.	NN	44	48	13	-	-	-	-
13.	V.SPKT	16	0	0	-	-	-	-
14.	TT.GDTC	24	1	13	-	-	1	4
Toàn trường		713	539	237	12	10.77	3	5.91
15.	ĐTQT	373		18	-	-	-	-

Theo bảng 1 ở học kỳ này số lượng GV có xếp loại “cần cải tiến” có 12 GV, chiếm tỷ lệ 10,77% toàn trường, P.ĐBCL đã thực hiện thống kê cho các đơn vị trong toàn trường qua 3 năm gần nhất ở bảng 2 bên dưới để các đơn vị tìm hiểu rõ lý do, đưa ra các kế hoạch cụ thể, phù hợp với đặc thù của từng đơn vị nhằm cải tiến hoạt động giảng dạy.

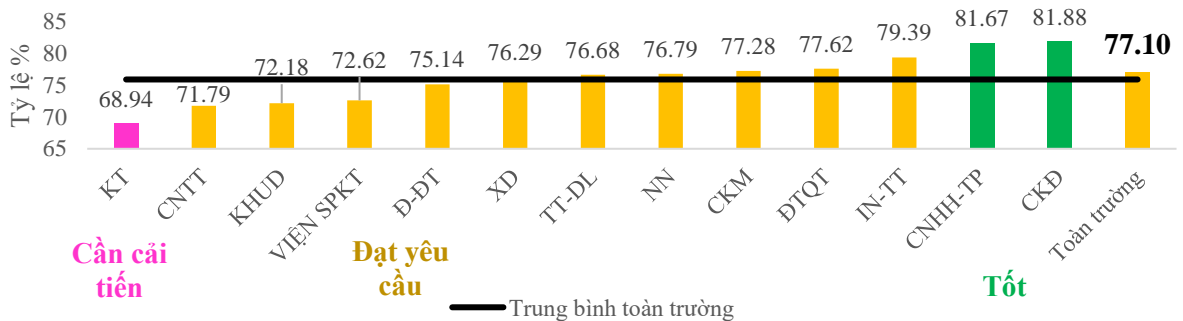
Bảng 2. Thống kê theo đơn vị có GV cần cải tiến trong 5 học kỳ gần nhất

TT	Khoa	Năm học				
		2021-2022		2022-2023		2023-2024
		HKI	HKII	HKI	HKII	HKI
1.	K. XD	2	1	-	4	7
2.	K. CKM	2	1	-	3	4
3.	K. CKĐ	-	2	-	1	-
4.	K. In&TT	1	-	-	1	-
5.	K. Đ-ĐT	2	1	-	-	-

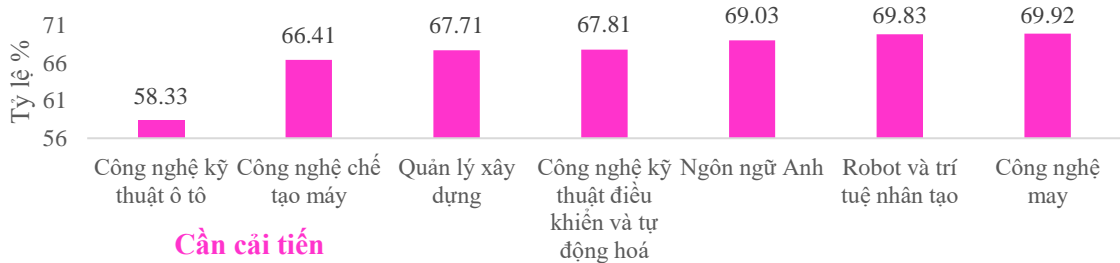
6.	K.ĐTCLC	1	4	-	-	K.CLC chuyển giao về Khoa quản Ngành
7.	K.KT	1	2	-	-	-
8.	K.TT-DL	-	2	-	-	1
9.	K. KHUD	-	1	-	-	-
10.	K.ĐTQT	4	-	-	-	-

Ghi chú: Các đơn vị không có GV xếp loại “cần cải tiến” sẽ không thống kê trong Bảng 2

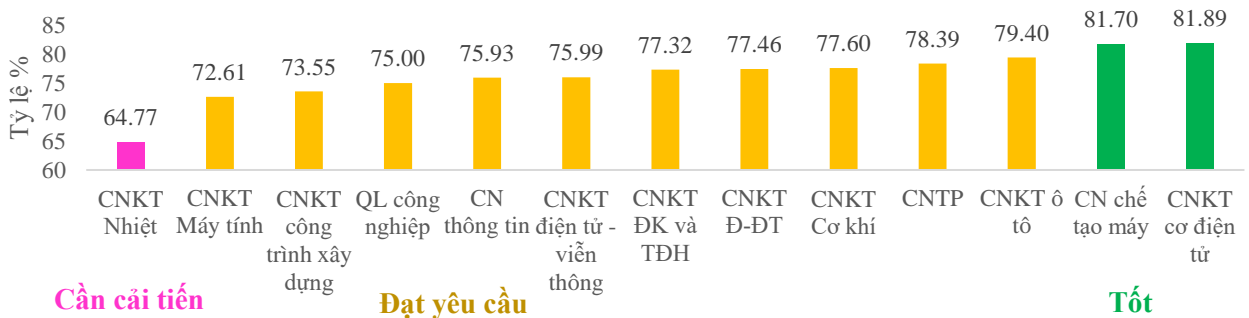
Trong phiếu khảo sát gửi đến SV có câu hỏi liên quan đến sự hài lòng khi được học tập trong các xưởng thực hành/phòng thí nghiệm/thực tập (XTH/PTN/TT), với mong muốn được tìm hiểu về mức độ đáp ứng của trang thiết bị cho các phòng học này P.ĐBCL đã thống kê ở các biểu đồ bên dưới:



Hình 4. Thống kê sự hài lòng của SV các Khoa về trang thiết bị XTH/PTN/TT



Hình 5. Thống kê sự hài lòng của SV các Ngành thuộc hệ đại trà và chất lượng cao có tỷ lệ hài lòng dưới 70% về trang thiết bị XTH/PTN/TT

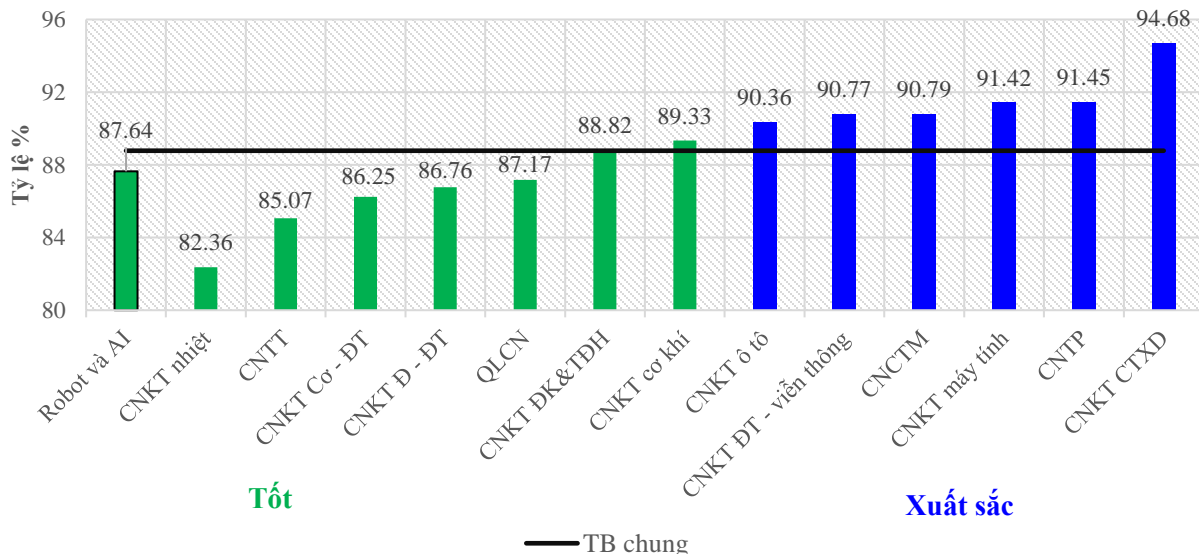


Hình 6. Thống kê sự hài lòng của SV thuộc các ngành của Khoa Đào tạo Quốc tế về trang thiết bị XTH/PTN/TT

Các biểu đồ thống kê từ hình 4 cho thấy các XTH/PTN/TT cơ bản đáp ứng được kỳ vọng của SV toàn trường (K.KT được SV đánh giá cần có sự cải tiến). Riêng Khoa CKĐ được đánh giá ở mức tốt tuy nhiên khi thống kê riêng cho từng Ngành thì biểu đồ hình 5 và 6 cho thấy Ngành Ô tô (Hệ đại trà + CLC) và Ngành Nhiệt (Hệ Đào tạo Quốc tế có tỷ lệ hài lòng thấp (<65%). Khoa Đào tạo Quốc tế không trực tiếp quản lý nhà xưởng, thiết bị thực tập tuy nhiên có thể thông qua khảo sát ý kiến của SV để đưa ra đề xuất, phối hợp với Khoa CKĐ để tăng độ hài lòng của Sinh viên ở các Ngành học này.

3. Khảo sát ý kiến SV về hiệu quả truyền đạt kiến thức môn học bằng tiếng Anh

Trong HKI năm học 2023-2024 P.ĐBCL tiếp tục hiện khảo sát bằng phiếu tiếng Anh cho các môn học sử dụng tiếng Anh để giảng dạy trong đó việc thống kê kết quả cho câu hỏi “14. *Lecturer uses English effectively to convey knowledge of the subject to students*” nhằm đánh giá chất lượng giảng dạy của GV khi truyền đạt kiến thức cho SV để đảm bảo chất lượng cho các ngành học thuộc K.ĐTQT và Ngành Robot&AI của K.CKM



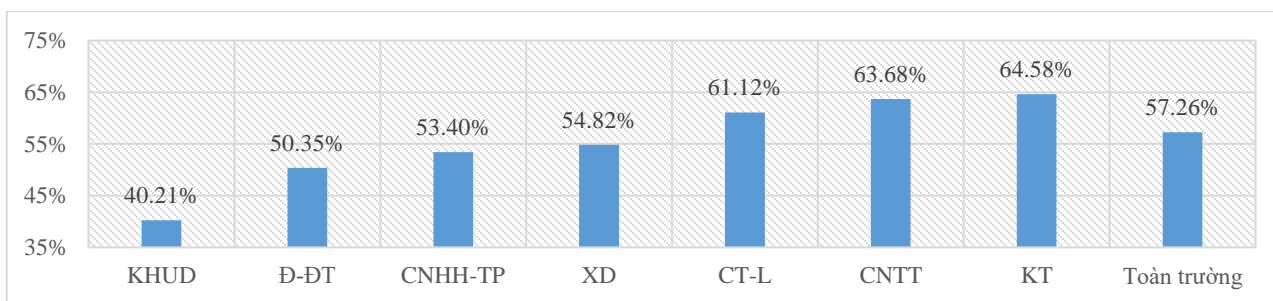
Ghi chú: Ngành Robot&AI thuộc Khoa Cơ khí Chế tạo máy có các môn học được giảng dạy bằng tiếng Anh cho SV

Hình 7. Thống kê ý kiến SV về hiệu quả truyền đạt kiến thức môn học bằng tiếng Anh của các ngành thuộc K.ĐTQT và Ngành Robot&AI của K.CKM

Theo hình 7 cho thấy SV rất hài lòng về hiệu quả truyền đạt kiến thức bằng tiếng Anh của GV (tất cả các ngành của Khoa Đào tạo Quốc tế và Ngành Robot & AI đều trên 80%) điều này cũng cho thấy trình độ giảng dạy tiếng Anh của GV đáp ứng được cho SV và cần được duy trì trong những năm tiếp theo.

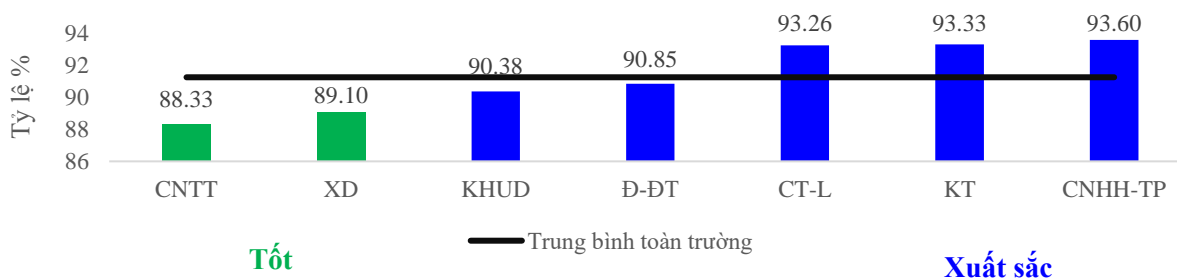
4. Kết quả khảo sát về khóa học MOOCs

Khảo sát về khóa học MOOCs tiếp tục được thực hiện và kết quả khảo sát trong HKI 2023 – 2024 được thống kê với các nội dung như sau:

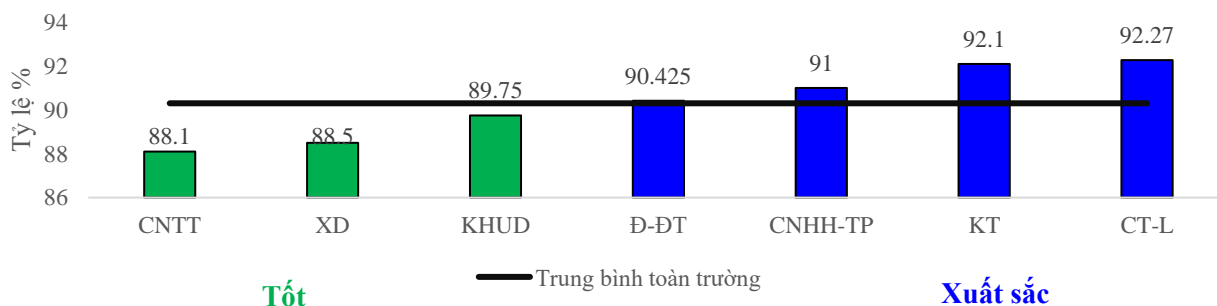


Hình 8. Tỷ lệ tham gia khảo sát của SV tham gia học khóa MOOCs theo đơn vị

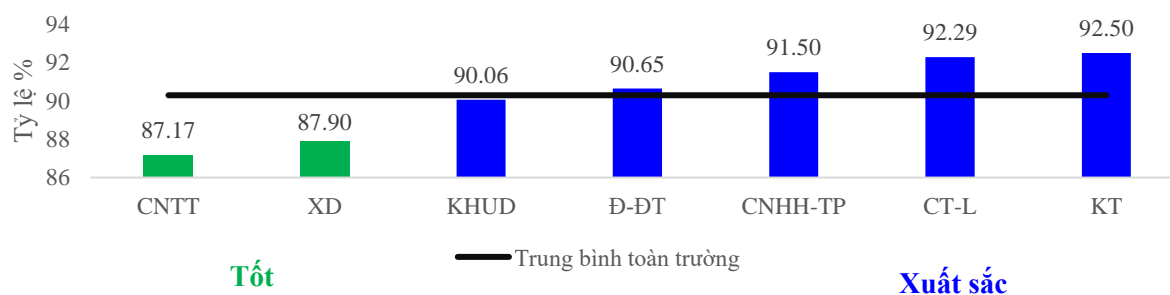
Trong học kỳ 1 năm học 2023-2024 số lượng đơn vị đưa khóa học MOOCs vào giảng dạy là 7 đơn vị, việc khảo sát khóa học MOOCs bắt đầu được triển khai từ Học kỳ 2 năm học 2021-2022 đến nay qua 4 học kỳ nhưng một số Khoa vẫn chưa có 1 khóa học nào được triển khai. Đề nghị TT. Dạy học số đánh giá lại hiệu quả của các chính sách phát triển các khóa học MOOCs cũng như các kết quả đã nghiệm thu các khóa học MOOCs của các khoa



a) Tiêu chí 1. Thiết kế khóa học

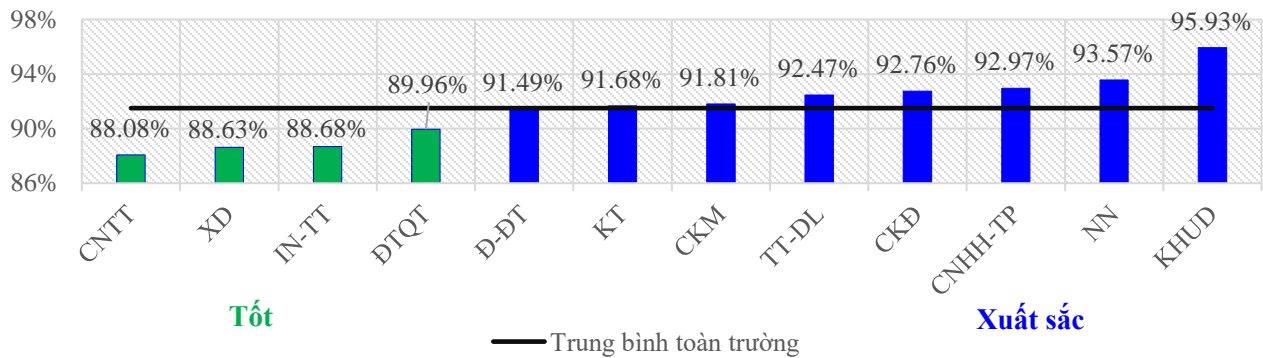


b) Tiêu chí 2. Hiệu quả và tác động của khóa học

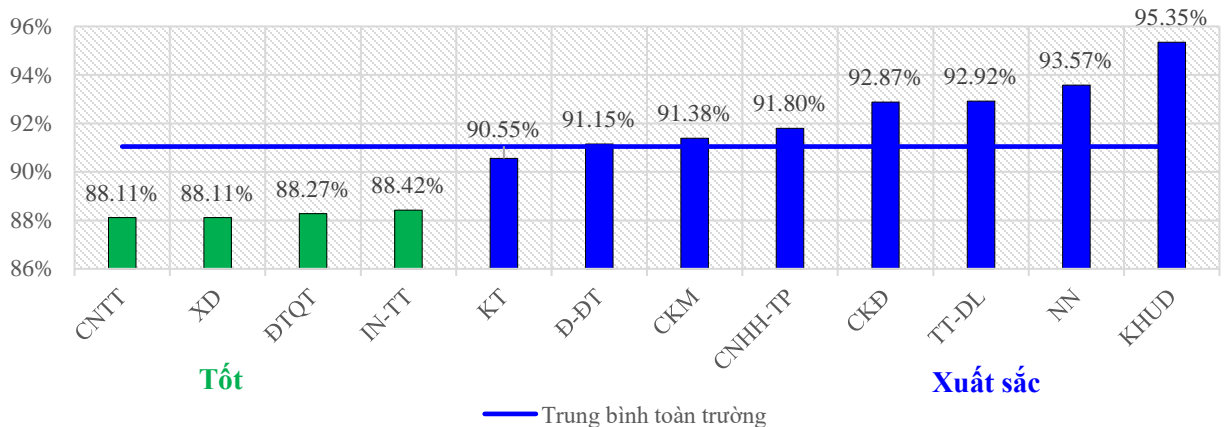


c) Tiêu chí 3. Tương tác người dạy – người học

Hình 9. Thống kê ý kiến SV về 3 tiêu chí liên quan đến chất lượng khóa học của các đơn vị đã có khóa MOOCs được giảng dạy.



Hình 10. Thống kê tỷ lệ SV các Khoa hài lòng về GV giảng dạy khóa MOOCs



Hình 11. Thống kê tỷ lệ SV các Khoa hài lòng về khóa MOOCs

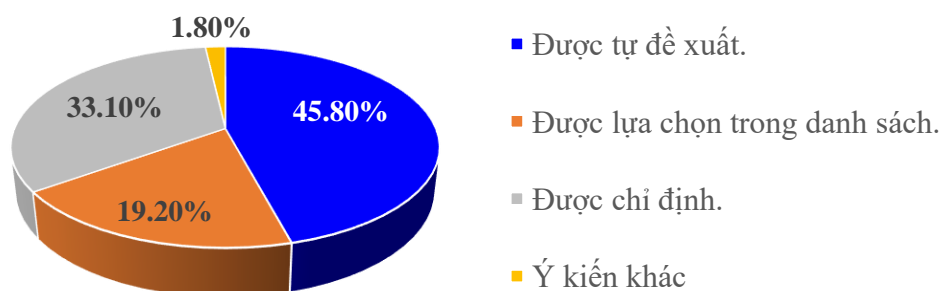
Theo biểu đồ hình 9, 10, 11 cho thấy hiện tại tỷ lệ SV hài lòng về khóa học, GV giảng dạy khóa MOOCs đang ở mức cao, các đơn vị cần duy trì chất lượng và tiếp tục mở rộng cho các môn học. Thống kê ở bảng 3 chỉ có 7/13 đơn vị triển khai khóa học này, số lượng đơn vị không tăng từ HKII năm 2021-2022 (P.ĐBCL bắt đầu khảo sát khóa học MOOCs) đến nay, các Khoa chưa có khóa học MOOCs cần xem xét để nhanh chóng triển khai công việc này.

Bảng 3. Thống kê số lượng GV và khóa học MOOCs được SV tham gia học tập

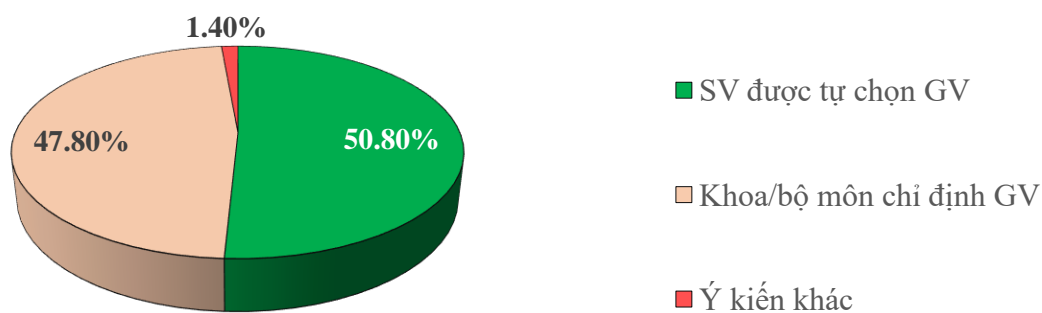
STT	ĐƠN VỊ	HKI 2022-2023		HKII 2022-2023		HKI 2023-2024	
		GIẢNG VIÊN	KHÓA HỌC	GIẢNG VIÊN	KHÓA HỌC	GIẢNG VIÊN	KHÓA HỌC
1	CNTT	4	5	2	2	3	3
2	XD	1	2	1	2	1	1
3	KT	4	4	4	4	4	4
4	CT&L	8	10	8	13	8	14
5	KHUD	6	7	6	7	7	7
6	Đ-ĐT	10	12	3	7	3	4
7	CNHH-TP	1	1	0	0	1	1
TỔNG	7	34	41	24	35	27	34

5. Kết quả khảo sát đề án/khóa luận tốt nghiệp

Phòng ĐBCL thực hiện khảo sát môn đề án/khóa luận, kết quả khảo sát như sau:

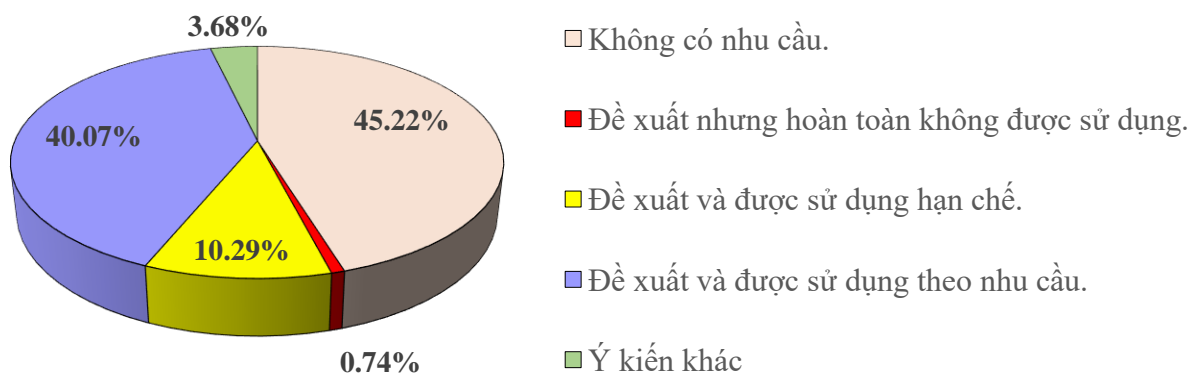


Hình 12. Thống kê hình thức giao đề án/khóa luận tốt nghiệp cho SV

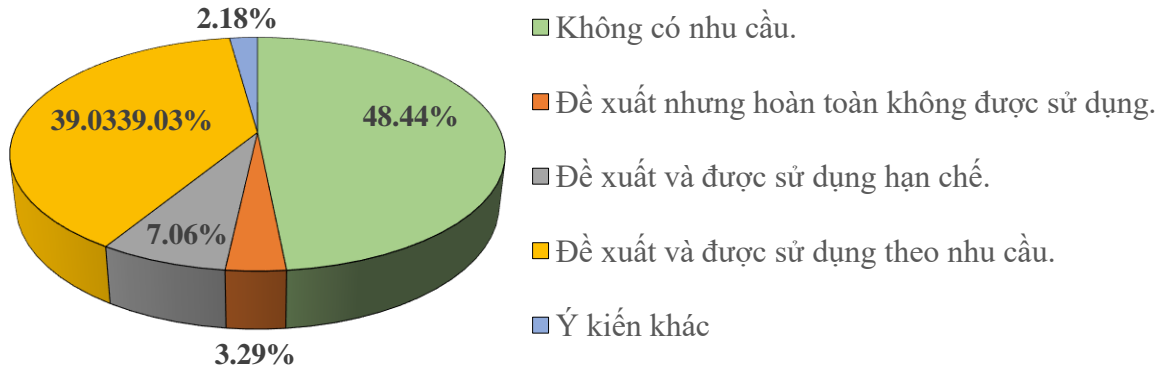


Hình 13. Thống kê hình thức lựa chọn GVHD đề án/khóa luận tốt nghiệp

Hình 12, 13 cho thấy các đơn vị đều đưa ra nhiều hình thức lựa chọn cách giao đề tài và GVHD trong đó hình thức tự đề xuất đề tài tốt nghiệp và tự liên hệ GV hoặc Khoa lập danh sách các đề tài do GV tự đề xuất được áp dụng nhiều nhất vì có tính chủ động cao, nhiều thuận lợi cho cả GV và SV.



(a) Nhóm ngành Khoa học xã hội nhân văn

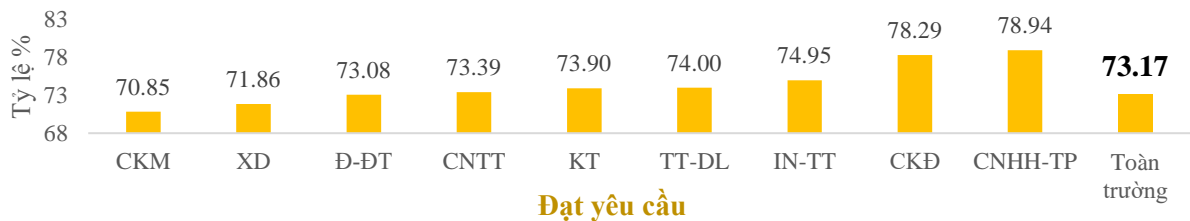


(b) Nhóm ngành Kỹ thuật

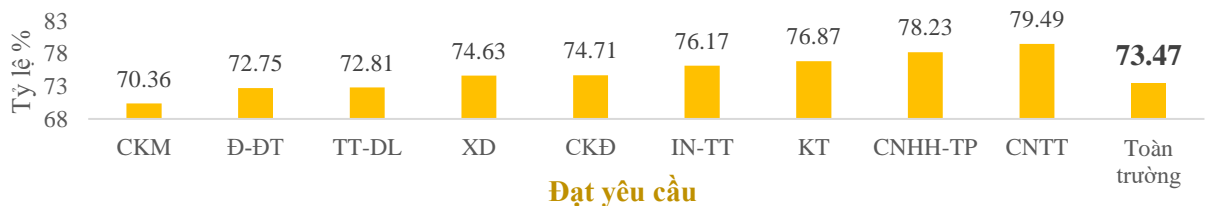
Hình 14. Thống kê tỷ lệ % các Khoa/bộ môn tạo điều kiện sử dụng trang thiết bị hỗ trợ làm đồ án/khóa luận tốt nghiệp thuộc nhóm ngành Khoa học xã hội nhân văn và nhóm ngành Kỹ thuật

Ghi chú: Nhóm ngành xã hội nhân văn gồm các ngành thuộc Khoa Kinh tế (Khoa Ngoại ngữ không có sinh viên thực hiện khảo sát này)

Biểu đồ thống kê cho thấy khi SV đề xuất và sử dụng đúng mục đích, nhu cầu sẽ được lãnh đạo các Khoa/bộ môn tạo điều kiện thuận lợi nhất giúp SV hoàn thành tốt đồ án/khóa luận tốt nghiệp.

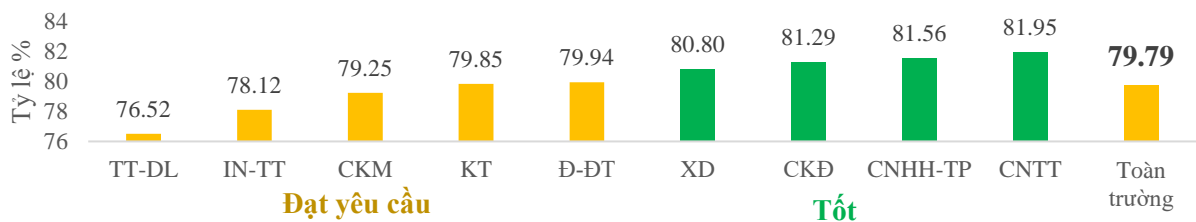


Hình 15. Thống kê tỷ lệ hài lòng của SV về việc Khoa/bộ môn công bố mẫu báo cáo đồ án/khóa luận tốt nghiệp rộng rãi đến toàn bộ sinh viên



Hình 16. Thống kê tỷ lệ hài lòng của SV về việc Khoa/bộ môn có quy định rõ ràng khi hướng dẫn đồ án/khóa luận tốt nghiệp

Hình 15, 16 cho thấy mức độ hài lòng của SV chỉ ở mức chấp nhận về việc công bố các loại biểu mẫu, các chính sách/quy định có liên quan đến hoạt động hướng dẫn đồ án/khóa luận tốt nghiệp. Các đơn vị cần chú ý hơn trong công tác này vì học phần này là kết quả quyết định cho toàn bộ quá trình học tập của SV tại trường.



Hình 17. Thống kê sự hài lòng của SV về GVHD đề án/khóa luận tốt nghiệp

Mức độ hài lòng của SV về GV hướng dẫn đề án/khóa luận tốt nghiệp của các đơn vị trong toàn trường ở mức tốt trong đó các Khoa được SV đánh giá cao nhất là Khoa Công nghệ Thông tin được thể hiện ở hình 17.

IV. Kết luận, kiến nghị

Kết quả khảo sát cho thấy SV có tỷ lệ hài lòng về GV giảng dạy các môn lý thuyết, thực hành, MOOCs, đề án/khóa luận rất cao, thành tích này cần tiếp tục được duy trì và có thể tiếp tục nâng cao về sự hài lòng trong các năm kế tiếp.

Tỷ lệ SV tham gia hoạt động khảo sát về hoạt động giảng dạy của GV trong HKI/2023-2024 giảm mạnh so với HKII 2022 - 2023 cụ thể là **tỷ lệ trung bình toàn trường đạt 45,66%** (**tỷ lệ trung bình toàn trường HKII/2022-2023 là 73,74%**). P.ĐBCL sẽ lưu ý và nhắc nhở sinh viên thực hiện khảo sát trong các học kỳ kế tiếp.

Báo cáo kết quả khảo sát của các đơn vị gửi về cho P.ĐBCL tổng hợp tính đến 16h30 ngày 9/01/2024 là 07/16 đơn vị (đến hết ngày 08/01/2024 mới thống kê). Theo email P.ĐBCL đã gửi đến các đơn vị vào ngày 28/12/2023 thời hạn gửi lại báo cáo là 16h00 ngày 8/01/2024. Các đơn vị đã gửi báo cáo gồm: Khoa KHUD, CKM, CNTT, CNHH-TP, K.CT&L, K.TT&DL, TT.GDTC, theo P.ĐBCL tổng hợp trên Link trong email gửi ngày 28/12/2023.

PHÒNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG

Nơi nhận:

- Nhu trên;
- Lưu phòng ĐBCL;
- Đăng trên website của P. ĐBCL.